

Bài 4. CẠNH TRANH TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HOÁ

(1 tiết)

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS cần :

1. Về kiến thức

– Nêu được khái niệm cạnh tranh trong sản xuất, lưu thông hàng hoá và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.

– Hiểu được mục đích cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá, các loại cạnh tranh và tính hai mặt của cạnh tranh.

2. Về kĩ năng

– Phân biệt mặt tích cực của cạnh tranh và mặt hạn chế của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá.

– Nhận xét được vài nét về tình hình cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá ở địa phương.

3. Về thái độ

Ủng hộ các biểu hiện tích cực, phê phán các biểu hiện tiêu cực của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Trọng tâm kiến thức bài học

– GV tập trung làm rõ khái niệm và nguyên nhân của cạnh tranh :

- + Khái niệm cạnh tranh.
- + Nguyên nhân của cạnh tranh.

– Mục đích của cạnh tranh.

– Các loại cạnh tranh và tác động của chúng.

– Tính hai mặt của cạnh tranh :

- + Mặt tích cực của cạnh tranh.
- + Mặt hạn chế của cạnh tranh.

Về nội dung cụ thể khi giảng dạy các trọng tâm nói trên, GV có thể xem trong SGK HS và phân gợi ý tiến trình tổ chức bài học.

b) Một số nội dung mới và khó

– *Mối quan hệ và sự khác nhau giữa các khái niệm*

Tiếp cận khái niệm cạnh tranh, GV cần chú ý ba khía cạnh chủ yếu sau đây :

+ Tính chất ganh đua, đấu tranh về kinh tế trong cạnh tranh.

+ Các chủ thể kinh tế tham gia cạnh tranh.

+ Mục đích của cạnh tranh là nhằm giành điều kiện thuận lợi, để thu lợi nhuận nhiều nhất cho mình.

Phân biệt khái niệm cạnh tranh lành mạnh và khái niệm cạnh tranh không lành mạnh. Tiêu chí phân biệt là ở các khía cạnh :

+ Thực hiện đúng hay không đúng pháp luật ;

+ Tính nhân văn trong cạnh tranh ;

+ Hệ quả của cạnh tranh : Làm cho nền kinh tế thị trường rối loạn hay ổn định và phát triển.

– *Trong hai mặt của cạnh tranh*, khi giảng GV cần nhấn mạnh mặt tích cực là mặt cơ bản và mang tính trội, vì chính mặt tích cực làm cho cạnh tranh

trở thành một động lực thúc đẩy kinh tế thị trường phát triển nhanh chóng và làm thoả mãn nhu cầu của khách hàng. Điều kiện để phát huy mặt tích cực của cạnh tranh là : Người sản xuất – kinh doanh thực hiện cạnh tranh lành mạnh ; Pháp luật của Nhà nước được ban hành đồng bộ và được thực hiện nghiêm minh.

– *Mối quan hệ mâu thuẫn biện chứng giữa cạnh tranh và độc quyền.* Tuy không phải là kiến thức trọng tâm của bài, nhưng trong đời sống thực tế, vấn đề này cũng cần được lưu ý. Một số doanh nghiệp trong một số ngành ở nước ta, do hệ quả của mô hình kinh tế chỉ huy tập trung quan liêu, bao cấp để lại, nên tình trạng độc quyền của Nhà nước vẫn còn, nhất là trong các ngành điện lực, xăng dầu... Sự độc quyền này mặc dù là cần thiết, song nếu quá mức sẽ cản trở sự phát triển của cạnh tranh ở nước ta hiện nay. Cạnh tranh, bên cạnh mặt tích cực là chủ yếu, cũng có mặt hạn chế. Tương tự, không phải tất cả hiện tượng độc quyền đều tiêu cực, chỉ có hiện tượng độc quyền nào kìm hãm mặt tích cực của cạnh tranh mới trở nên không cần thiết. Đó là quan hệ mâu thuẫn biện chứng giữa cạnh tranh và độc quyền cần được xử lí một cách hài hoà.

2. Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Có thể sử dụng một cách linh hoạt các phương pháp và hình thức sau :

- Phương pháp nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.
- Phương pháp diễn giảng kết hợp với đàm thoại.
- Phương pháp hoạt động nhóm.

– Tổ chức chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm quan sát thị trường một mặt hàng mang tính cạnh tranh và mặt hàng mang tính độc quyền. Từ quan sát, HS ghi chép các tác động và dự kiến nhận xét các mặt tích cực và hạn chế của chúng, để đàm thoại khi học ở lớp. Giữ nguyên các nhóm đã chia khi tổ chức thảo luận các câu hỏi hoặc khi củng cố bài.

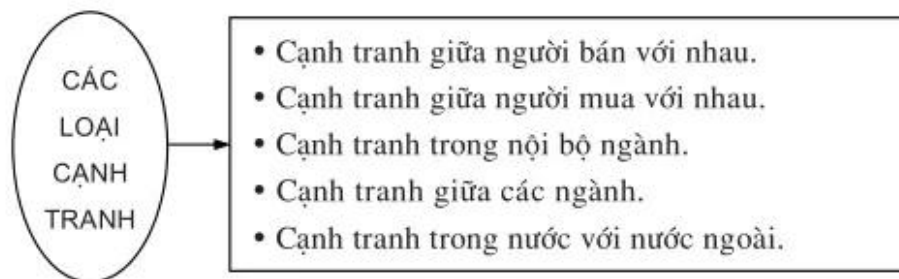
3. Về phương tiện dạy học

GV có thể tạo thêm phương tiện dạy học qua việc thiết kế các biểu, bảng, sơ đồ sau :

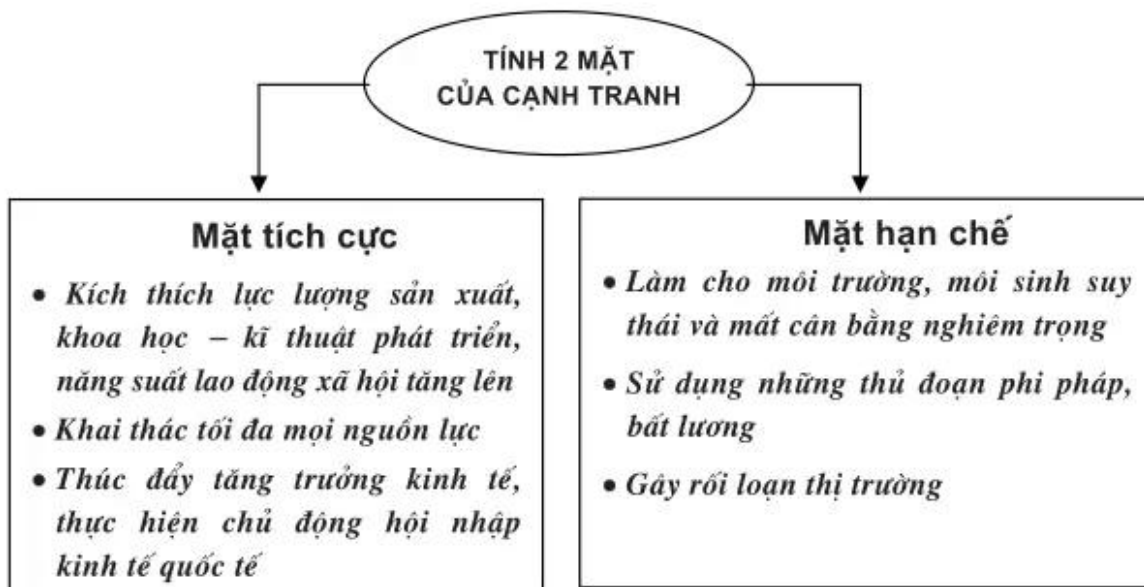
Bảng 1 : Mục đích của cạnh tranh



Bảng 2 : Các loại cạnh tranh



Bảng 3 : Tính 2 mặt của cạnh tranh



4. Về kiểm tra, đánh giá

a) Gợi ý trả lời một số câu hỏi và làm bài tập

– Đối với câu 1 và 2, trên cơ sở nắm vững khái niệm và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh, mục đích và các loại cạnh tranh, HS hình thành đề cương trả lời từng câu hỏi đặt ra.

– Đối với câu 3, trên cơ sở HS trả lời, GV kết luận theo hướng "gay gắt, quyết liệt", vì trình độ phát triển của cạnh tranh không đều và lợi ích kinh tế khác nhau giữa nhóm nước công nghiệp phát triển với nhóm nước đang phát triển (trong đó có Việt Nam).

– Đối với câu 4, trên cơ sở tính hai mặt của cạnh tranh và vai trò của Nhà nước, HS đưa ra các giải pháp mà Nhà nước dùng để phát huy mặt tích cực và khắc phục mặt hạn chế của cạnh tranh hiện nay ở nước ta.

– Đối với câu 5, GV hướng HS khẳng định ý kiến đó là *sai*. Vì cạnh tranh bản thân nó mang tính hai mặt, do đó nếu chỉ có giải pháp khắc phục mặt hạn chế mà không có giải pháp phát huy mặt tích cực thì cũng không giảm mặt hạn chế một cách cơ bản.

– Đối với câu 6, GV hướng dẫn HS trước hết hãy làm rõ thế nào là cạnh tranh lành mạnh và không lành mạnh ; lợi ích và tác hại để từ đó HS đưa ra cách xử lí của mình.

b) Gợi ý kiểm tra, đánh giá

GV có thể đưa thêm một số câu hỏi, bài tập có so sánh với hiện tượng độc quyền dưới các dạng câu hỏi tự luận hoặc trắc nghiệm... để HS trả lời, hoặc kiểm tra bằng cách cho HS viết 15 phút, mỗi nhóm viết trả lời 1 câu hỏi. GV đối chiếu với mục tiêu, yêu cầu đặt ra của bài, qua đó đánh giá kết quả học tập. Dưới đây là ví dụ :

– GV có thể chọn trong SGK :

+ Câu 1 dùng để đánh giá về mục tiêu kiến thức.

+ Câu 4, 5 dùng để đánh giá về mục tiêu kĩ năng.

+ Câu 6 dùng để đánh giá về mục tiêu thái độ.

– GV cũng có thể đưa thêm các câu hỏi sau :

Câu 1 : Hãy kể các loại cạnh tranh và cho biết tại sao cạnh tranh lại có nhiều loại như vậy ?

(Ý 2 dành cho HS khá, giỏi). GV hướng cho HS trả lời : do trong phân loại cạnh tranh có nhiều tiêu thức khác nhau làm căn cứ để phân chia.

Câu 2 : Tại sao nói mặt tích cực của cạnh tranh là mặt cơ bản và mang tính trội trong 2 mặt của cạnh tranh hiện nay ở nước ta ?

(Câu này dành cho HS khá, giỏi). GV dựa vào mục b, phần 1. *Một số nội dung mới và khó* của bài này để hướng cho HS trả lời.

III – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở bài

– Bằng quan sát thực tiễn cạnh tranh sinh động trong sản xuất và lưu thông hàng hoá và mối liên hệ giữa bài *Quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hoá* với bài này, GV đưa ra câu hỏi : Trên thị trường người ta thường bắt gặp những hiện tượng ganh đua, giành giật hay cạnh tranh giữa những người bán với nhau ; giữa những người mua với nhau ; giữa doanh nghiệp hoặc cửa hàng này với doanh nghiệp hoặc cửa hàng kia... Những hiện tượng đó có cần thiết hay không, tốt hay xấu và cần được giải thích như thế nào ?

– Hoặc có thể, GV lấy một câu chuyện liên quan đến cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông ở địa phương để vào bài.

2. Phần tổ chức dạy học các đơn vị kiến thức

Bài học này được thực hiện với thời lượng 1 tiết, gắn với 3 đơn vị kiến thức. Có thể phân bổ như sau :

a) *Dạy học đơn vị kiến thức 1 : Cạnh tranh và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.*

* *Mức độ kiến thức :*

Trong đơn vị kiến thức này, GV cần làm cho HS nêu được khái niệm cạnh tranh và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.

* *Cách thức thực hiện :*

Đặt vấn đề qua câu hỏi :

Cạnh tranh là gì ? Tại sao nói cạnh tranh là sự cần thiết khách quan trong sản xuất và lưu thông hàng hoá ?

Giải quyết vấn đề theo trình tự :

– Cạnh tranh là sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế tham gia sản xuất, kinh doanh nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận cho mình.

– Làm rõ nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá. Trình tự như sau :

+ Trong nền sản xuất hàng hoá, do tồn tại nhiều chủ sở hữu khác nhau, tồn tại với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập trong quá trình sản xuất, kinh doanh nên không thể không cạnh tranh với nhau.

+ Do điều kiện sản xuất của mỗi chủ thể kinh tế lại khác nhau, nên chất lượng hàng hoá và chi phí sản xuất khác nhau, kết quả sản xuất, kinh doanh giữa họ không giống nhau...,

Để giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hoá, dịch vụ, tất yếu giữa họ có sự cạnh tranh với nhau.

b) *Dạy học đơn vị kiến thức 2* : Mục đích của cạnh tranh và các loại cạnh tranh.

* *Mức độ kiến thức* :

Trong đơn vị kiến thức này, GV cần làm cho HS hiểu được mục đích của cạnh tranh và các loại cạnh tranh.

* *Cách thức thực hiện* :

Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá là giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác.

– Mục đích cạnh tranh thể hiện ở những mặt sau :

+ Giành nguồn nguyên liệu và giành các nguồn lực sản xuất khác ;

+ Giành ưu thế về khoa học – công nghệ ;

+ Giành thị trường, nơi đầu tư, các hợp đồng và các đơn đặt hàng ;

+ Giành ưu thế về chất lượng và giá cả hàng hoá, kể cả lắp đặt, bảo hành, sửa chữa, phương thức thanh toán...

GV có thể khái quát kiến thức trọng tâm này qua Bảng 1 (xem mục Về phương tiện dạy học).

– Về các loại cạnh tranh, GV có thể gọi một số học sinh phát biểu và kết luận bằng bảng 2 trong mục Về phương tiện dạy học.

c) *Dạy học đơn vị kiến thức 3* : Tính hai mặt của cạnh tranh.

** Mức độ kiến thức :*

GV cần làm cho HS hiểu và phân biệt được tính hai mặt của cạnh tranh : tích cực và hạn chế.

** Cách thức thực hiện :*

– Trình bày mặt tích cực của cạnh tranh qua ba biểu hiện (xem SGK). Từ đó khẳng định cạnh tranh là một động lực kinh tế của sản xuất và lưu thông hàng hoá. Và tất nhiên, với tư cách là một động lực kinh tế, cạnh tranh đó phải là "cạnh tranh lành mạnh".

– Trình bày mặt hạn chế của cạnh tranh qua ba biểu hiện (xem SGK). Những biểu hiện của mặt hạn chế này thường gắn liền với "cạnh tranh không lành mạnh".

– Từ đó kết luận cạnh tranh là một quy luật kinh tế khách quan của sản xuất và lưu thông hàng hoá có tính hai mặt : tích cực và hạn chế, trong đó mặt tích cực là cơ bản mang tính trội (xem mục II. 1. b – Một số nội dung mới và khó).

Để hiểu sâu hơn khái niệm cạnh tranh, GV có thể gợi ý thêm để HS phân biệt cạnh tranh lành mạnh và cạnh tranh không lành mạnh. Dựa vào ba tiêu chí : pháp luật, tính nhân văn và hệ quả của cạnh tranh để phân biệt. Cạnh tranh lành mạnh là sự cạnh tranh đúng pháp luật và chuẩn mực đạo đức, có tác dụng kích thích kinh tế thị trường phát triển đúng hướng. Còn cạnh tranh không lành mạnh là sự cạnh tranh vi phạm pháp luật, vi phạm các chuẩn mực đạo đức, làm rối loạn và kìm hãm sự phát triển của kinh tế thị trường.

3. Phần củng cố

Có thể sử dụng bằng hai cách :

– Sử dụng các bảng biểu, sơ đồ trong phân phương tiện dạy học để củng cố kiến thức bài học.

– Sử dụng các câu hỏi ở phần kiểm tra kiến thức, GV hỏi HS trả lời, qua đó củng cố bài học.

IV – TƯ LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo : Giáo trình *Kinh tế chính trị Mác – Lê-nin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, Chương III và Chương VII.

2. Theo *Kinh tế học vi mô*, Chương "Cạnh tranh và độc quyền", NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003 :

a) Đặc trưng của cạnh tranh hoàn hảo

- "Có nhiều người mua và người bán độc lập với nhau...
- Tất cả các đơn vị hàng hoá trao đổi được coi là giống nhau...
- Tất cả người mua và người bán đều có hiểu biết đầy đủ về các thông tin liên quan đến việc trao đổi...
- Không có sự cản trở về việc gia nhập và rút khỏi thị trường..."⁽¹⁾.

b) Độc quyền

"Độc quyền bán là một thị trường, trong đó chỉ có một người bán, nhưng nhiều người mua. Độc quyền mua là một thị trường, trong đó có nhiều người bán, nhưng chỉ có một người mua"⁽²⁾.

c) Cạnh tranh không hoàn hảo – Cạnh tranh độc quyền

"Thị trường cạnh tranh độc quyền có hai đặc trưng then chốt :

- Các doanh nghiệp cạnh tranh với nhau bằng việc bán các sản phẩm phân biệt khác nhau giữa các doanh nghiệp...
- Có sự tự do gia nhập và rút khỏi thị trường..."⁽³⁾.

3. "Tạo môi trường pháp lí và cơ chế, chính sách thuận lợi để phát huy các nguồn lực xã hội cho phát triển, các chủ thể hoạt động kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh, công khai, minh bạch, có trật tự, kỉ cương."⁽⁴⁾

(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Kinh tế học vi mô*, NXB Giáo dục, 2005, tr. 164.

(2) Sđd, tr. 176.

(3) Sđd, tr. 190.

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 78.